TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - T do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HS-ST
Ngày 05 - 4 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Dương Điềm.

Bà Phan Thị Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Hà Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2019/HSST ngày 04/3/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T (tên gọi khác: không); Giới tính: Nam. Sinh ngày: 21 tháng 7 năm 1972, tại tỉnh Hà Tĩnh. Nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông.Trình độ học vấn: 8/12. Con ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1932 (Đã chết) và bà Hà Thị Nh, sinh năm 1945. Bị cáo có vợ là Lê Thị H, sinh năm 1975 và có hai con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 1998. Tiền sự: Không. Tiền án: có 02 tiền án:

Ngày 30/9/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 09 tháng tù về tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo Bản án số 310/2015/HSST, đến ngày 07/4/2016 chấp hành xong hình phạt tù.

Ngày 25/5/2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội: *"Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo Bản án số 150/2017/HSPT, đến ngày 09/01/2018 chấp hành xong hình phạt tù.

Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

(Có mặt).

2. Vũ Mạnh Đ (tên gọi khác: không); Giới tính: Nam. Sinh ngày: 02 tháng 10 năm 1988, tại tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Ch, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 9/12. Con ông Vũ Mạnh Q, sinh năm 1954 và con bà Lê Thị Th, sinh năm 1954. Bị cáo có vợ là Trần Thị Ngọc O, sinh năm 1989 và có hai con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 05/3/2014 bị Công an xã E, huyện Cư Kuin xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 17/3/2014 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 01 năm tù giam đã được xóa án tích. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt).

- *Người bị hại:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Thôn M, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

(Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

(Vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn H, xã Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

(Vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn B, xã Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

(Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Ông Phan Thanh Đ, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

(Vắng mặt).

+ Trần Trọng L, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

(Vắng mặt).

+ Ông Đoàn Ngọc A, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

(Vắng mặt).

+ Chị Trần Thị Ngọc O, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Ch, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 08/3/2018, Nguyễn Văn T và Vũ Mạnh Đ muốn có tiền để mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân, nên T rủ Đ đi trộm cắp tài sản, thì được Đ đồng ý. Nguyễn Văn T đã điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đen xám, biển kiểm soát T (xe này là của chị Nguyễn Thị Ánh T, con gái Nguyễn Văn T) chở Đ đi vào khu vực rẫy cà phê thuộc thôn S, xã E, huyện Cư Kuin tìm tài sản để trộm cắp, khi đi đến rẫy cà phê của ông Nguyễn Thanh T, T và Đ xuống xe đi bộ vào chỗ giếng trong rẫy thì nhìn thấy có sợi dây cáp cùng ống nước và dây điện dẫn xuống dưới giếng nước, nghĩ là có máy bơm nước ở dưới giếng nên T và Đ dùng tay giật một đầu dây điện đang nối với đồng hồ điện ra, rồi lấy một đoạn cây gỗ có sẵn ở trong rẫy cà phê để cạy ổ khóa ở nắp giếng để trộm cắp máy bơm, cả hai bị cáo đã dùng tay để kéo chiếc mô tơ (máy bơm nước) lên trên mặt đất và cuộn tròn đoạn dây điện ba pha được gắn vào máy bơm nước và mang ra để ở trước gác bagas xe mô tô rồi T điều khiển xe mô tô chở Đ cùng đi bán mô tơ vừa trộm cắp được. Khi đi ngang qua nhà ông Đoàn Ngọc A thì thấy có các ông Trần Trọng L; Phan Thanh Đ và Nguyễn Trung H đang ngồi đánh cờ, nên cả hai dừng xe lại, T xuống xe đi bộ vào trong sân hỏi các ông Linh, Anh, Đậu và ông H có mua máy bơm nước, giá 1.500.000 đồng không, nhưng các ông Linh, Anh và ông Đậu không mua, lúc này ông H dẫn T và Đ đi đến nhà của ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1964, trú tại thôn B, xã Th, thành phố B, tại đây T và Đ đã bán chiếc máy bơm và cuộn dây điện cho ông H với giá 900.000 đồng và chia nhau tiêu xài.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐĐG ngày 04/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cư Kuin, kết luận: Giá trị tài sản của một máy bơm nước, loại chìm, sử dụng dòng điện xoay chiều ba pha, công suất 06 mã lực (HP); khung vỏ làm từ nhôm màu trắng bạc, trên nắp khắc nổi chữ "TD", quai sách bằng inox, thân máy dạng hình trụ đường kính 16cm, chiều dài máy bơm nước là 45cm, phần nối giữa nắp trên máy và phần vỏ quạt đẩy nước có hình lục giác và một đoạn dây điện ba pha (được gắn vào máy bơm nước nói trên), nhãn hiệu Vĩnh Thịnh, vỏ nhựa màu trắng xám, có ba lõi bọc nhựa, lõi đồng nhiều sợi nhỏ, chiều dài 30m, đường kính 1,5cm, loại 3x6, có tổng giá trị tài sản là 5.010.000 đồng (Năm triệu không trăm mười ngàn đồng).

Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được các vật chứng của vụ án gồm: Một máy bơm nước, loại chìm, sử dụng dòng điện xoay chiều ba pha, công suất 06 mã lực (HP); khung vỏ làm từ nhôm màu trắng bạc, trên nắp khắc nổi chữ "TD", quai sách bằng inox, thân máy dạng hình trụ đường kính 16cm, chiều dài máy bơm

nước là 45cm, phần nối giữa nắp trên máy và phần vỏ quạt đẩy nước có hình lục giác; Một đoạn dây điện ba pha (được gắn vào máy bơm nước nói trên), nhãn hiệu Vĩnh Thịnh, vỏ nhựa màu trắng xám, có ba lõi bọc nhựa, lõi đồng nhiều sợi nhỏ, chiều dài 30m, đường kính 1,5cm, loại 3x6; Một đoạn cây gỗ có đặc điểm dài khoảng 01 mét, không xác định được loại gỗ có kích thước vừa tay cầm, dạng trụ, mà các bị cáo dùng để bẩy nắp giếng.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát T của chị Nguyễn Thị Ánh T cho bị cáo T mượn đi, nhưng khi cho mượn chị T không biết T sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin không tiến hành thu giữ, xử lý mà giao cho chủ sở hữu nhận và quản lý.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Thanh T yêu cầu bồi thường tổng số tiền 5.010.000 đồng, bị cáo Vũ Mạnh Đ đã bồi thường cho ông T 2.505.000 đồng (Hai triệu năm trăm lẻ năm ngàn đồng) và được ông T làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Văn T chưa bồi thường được cho người bị hại số tiền nào nên ông T yêu cầu bị cáo T tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 2.505.000 đồng.

Cáo trạng số: 04/CT-VKS-HS ngày 01/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Vũ Mạnh Đ về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS, truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với ông Nguyễn Trung H và ông Nguyễn Hữu T cơ quan Điều tra đã tiến hành đối chất giữa các bị cáo với ông H và ông T, thì các ông H và T không thừa nhận đã mua các tài sản trên, quá trình mua bán không có người làm chứng và vật chứng không thu giữ được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin không đủ căn cứ để xử lý đối với ông Nguyễn Trung H và ông Nguyễn Hữu T.

Tại phiên tòa các bị cáo Vũ Mạnh Đ và Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã mô tả và đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin là đúng người, đúng tội, không oan sai. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Vũ Mạnh Đ đã bồi thường được cho người bị hại 2.505.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Bị cáo Nguyễn Văn T đồng ý tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 2.505.000 đồng cho người bị hại ông Nguyễn Thanh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố các bị cáo; đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo gây ra, phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Vũ Mạnh Đ và Nguyễn Văn T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Vũ Mạnh

Đ mức án 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào thi hành án.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày vào thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị cáo Vũ Mạnh Đ bồi thường số tiền 2.505.000 đồng cho người bị hại. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho ông Nguyễn Thanh T số tiền còn lại là 2.505.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cư Kuin, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, Kiểm sát viên trong qúa trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm, loại tài sản mà bị cáo đã trộm cắp, phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ vụ án. Qua đó có đủ cơ sở để kết luận, vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 08/3/2018, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người bị hại trong việc quản lý tài sản, các bị cáo Vũ Mạnh Đ và Nguyễn Văn T đã có hành vi lén lút lấy trộm một máy bơm nước, loại chìm, sử dụng dòng điện xoay chiều ba pha, công suất 06 mã lực (HP); khung vỏ làm từ nhôm màu trắng bạc, trên nắp khắc nổi chữ "TD", quai sách bằng inox, thân máy dạng hình trụ đường kính 16cm, chiều dài máy bơm nước là 45cm, phần nối giữa nắp trên máy và phần vỏ quạt đẩy nước có hình lục giác và một đoạn dây điện ba pha nhãn hiệu Vĩnh Thịnh, vỏ nhựa màu trắng xám, có ba lõi bọc nhựa, lõi đồng nhiều sợi nhỏ, chiều dài 30m, đường kính 1,5cm, loại 3x6 của ông Nguyễn Thanh T có tổng giá trị tài sản là 5.010.000 đồng (năm triệu không trăm mười ngàn đồng). Do vậy, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Vũ Mạnh Đ phạm tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Nguyễn Văn T đã có hai tiền án chưa được xóa án tích nhưng lại tái phạm nguy hiểm nên đã phạm vào tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

g) Tái phạm nguy hiểm".

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo T và Đ là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là một trong những quyền cơ bản được pháp luật hình sự nhà nước ta bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng để nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị xử phạt. Nhưng do động cơ vụ lợi, coi thường pháp luật và xem nhẹ quyền sở hữu tài sản của người khác nên các bị cáo vẫn vi phạm. Vì vậy, cần có hình phạt thích đáng để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội.

[5] Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, cũng cần phân hóa vai trò của từng bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp với tính chất và hành vi của từng bị cáo gây ra. Xét thấy, bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Đ cùng thực hiện hành vi phạm tội và bị truy tố theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự nên phải bị xử phạt cao hơn bị cáo Đ. Bị cáo Đ là người được bị cáo T rủ rê nhưng đã đồng ý và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp cùng với bị cáo T, hành vị phạm tội của bị cáo bị truy tố theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự nên mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là thấp hơn so với bị cáo T.

[6] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm phạm tội gây thiệt hại không lớn, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Vũ Mạnh Đ đã bồi thường cho người bị hại và được người bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên cần áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Thanh T yêu cầu bồi thường tổng số tiền 5.010.000 đồng, bị cáo Vũ Mạnh Đ đã bồi thường cho ông T 2.505.000 đồng (Hai triệu năm trăm lẻ năm ngàn đồng) là hoàn toàn tự nguyện và đúng pháp luật nên cần ghi nhận. Bị cáo Nguyễn Văn T chưa bồi thường được số tiền nào nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Nguyễn Thanh T số tiền còn lại là 2.505.000 đồng (Hai triệu năm trăm lẻ năm ngàn đồng).

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Vũ Mạnh Đ và Nguyễn Văn T phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"*.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Vũ Mạnh Đ 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào thi hành án.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày vào thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 589 và 357 Bộ luật dân sự năm 2015:

- Ghi nhận việc bị cáo Vũ Mạnh Đ bồi thường số tiền 2.505.000 đồng (Hai triệu năm trăm lẻ năm ngàn đồng) cho ông Nguyễn Thanh T.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho ông Nguyễn Thanh T số tiền còn lại là 2.505.000 đồng (Hai triệu năm trăm lẻ năm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Vũ Mạnh Đ và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo toàn bộ bản án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toàn được quyền kháng cáo đối với phần quyết định của bản án có liên quan quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- CQCSĐT Công an huyện Cư Kuin;
- CCTHADS huyện C;
- Sở tư pháp;
- Phòng HSNVCA Đắk Lắk;
- UBND xã E;
- UBND xã K;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ QUỐC ĐỊNH